

Bản án số: **39/2021/HS - ST**
Ngày: 18/3/2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 4 THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Phương Thúy
Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Võ Thanh Nga
2. Bà Nguyễn Thị Đông Nguyệt

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Nguyễn Phan Quế Anh – Thư ký Tòa án nhân dân Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 4 tham gia phiên tòa: Ông Đoàn Quốc Sinh – Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 3 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 4, TP. Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 17/2021/TLST – HS ngày 20 tháng 01 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 60/2021/QĐXXST- HS ngày 04 tháng 3 năm 2021 đối với các bị cáo:

1/ **Lê Ngọc M.**, sinh ngày 06 tháng 12 năm 1969 tại An Giang; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: 170/28L/8 Đường Đ, Phường S, Quận 4, TP. Hồ Chí Minh; nơi cư trú: 170/28L/8 Đường Đ, Phường S, Quận 4, TP. Hồ Chí Minh; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hóa: 0/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Phật; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Văn P. (đã chết) và bà Nguyễn Thị H. (đã chết); sống chung như vợ chồng nhưng không đăng ký kết hôn với Trang Văn Q., sinh năm 1966 và có 03 con chung, (lớn nhất sinh năm 1988, nhỏ nhất sinh năm 1999); tiền án: Không; tiền sự: Không; bị bắt, tạm giam ngày 03/7/2020, “Có mặt”.

2/ **Phạm Thị Ngọc T.** (tên gọi khác: **Tý**), sinh ngày 18 tháng 4 năm 1982 tại Thành phố Hồ Chí Minh; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: 253 chợ M, phường L, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh; nơi cư trú: 170/28L/8 Đường Đ, Phường S, Quận 4, TP. Hồ Chí Minh; nghề nghiệp: Buôn bán; trình độ văn hóa: 2/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Phật; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Văn T., sinh năm 1962 (đã chết) và bà Phạm Ngọc S., sinh năm 1963; chung sống như vợ chồng nhưng không đăng ký kết hôn với Nguyễn Bá T., sinh năm 1978 và có 02 con chung, (lớn nhất sinh năm 2001, nhỏ nhất sinh năm 2006); sống chung như vợ chồng với Lâm Trọng N., sinh năm 1985 và có 02 con chung, (lớn nhất sinh năm 2014, nhỏ nhất sinh năm 2017); tiền án: Không; tiền sự: Không; bị bắt, tạm giam ngày 03/7/2020, “Có mặt”.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các T. liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Vào khoảng 20 giờ ngày 30/06/2020, Công an Phường S, Quận 4 tuần tra đến trước nhà số L2 cư xá H, Phường S, Quận 4, phát hiện Nguyễn Thành

T., sinh năm 1996, ngụ tại: L5 cư xá H, Phường S, Quận 4 có biểu hiện nghi vấn nên tiến hành kiểm tra. Qua kiểm tra, Công an Phường S, Quận 4 phát hiện Nguyễn Thành T. đang cất giấu trong túi quần bên phải 01 gói nylon chứa tinh thể không màu nghi vẫn là chất ma túy, nên đã đưa T. cùng tang vật về trụ sở để làm việc. T. khai nhận gói nylon chứa tinh thể không màu là ma túy đá T. vừa mua của đối tượng tên M. tại địa chỉ 170/28L/8 Đường Đ, Phường S, Quận 4. Đến khoảng 23 giờ cùng ngày, Công an Quận 4 tiến hành khám xét khẩn cấp nhà số 170/28L/8 Đường Đ, Phường S, Quận 4 do Lê Ngọc M., sinh năm 1969 và Phạm Thị Ngọc T., sinh năm 1982 đang ở. Công an Quận 4 phát hiện bên trên gác nhà vệ sinh của nhà số 170/28L/8 Đường Đ, Phường S, Quận 4, có 01 túi nylon bên trong có 25 gói nylon nhỏ chứa tinh thể không màu, nghi vẫn là ma túy nên đã lập biên bản thu giữ. Kết quả xét nghiệm chất ma túy: Nguyễn Thành T. và Phạm Thị Ngọc T. dương tính với ma túy đá; Lê Ngọc M. âm tính với ma túy.

Tại Cơ quan điều tra, Lê Ngọc M. khai nhận do không có nghề nghiệp ổn định nên vào khoảng đầu tháng 6 năm 2020, M. bắt đầu mua bán chất ma túy để hưởng lợi. Trong khoảng thời gian này có đối tượng tên Tý (không rõ lai lịch) thường xuyên sử dụng chất ma túy gần nhà của M., nên M. nhờ Tý mua giùm ma túy (loại ma túy đá) để M. bán lại cho người nghiện. Từ đầu tháng 06 năm 2020 tới ngày bị bắt, M. đã nhờ Tý mua giùm ma túy 04 lần. Mỗi lần từ 300.000 đồng đến 800.000 đồng. M. đem ma túy về nhà tại số 170/28L/8 Đường Đ, Phường S, Quận 4, rồi phân chia thành từng gói nylon nhỏ để bán với giá từ 50.000 đồng đến 200.000 đồng. Cụ thể từng gói nylon được M. dùng bút viết ký hiệu để phân biệt giá bán như sau: Gói ma túy có 01 đường kẻ ngang ở giữa bán với giá 50.000 đồng; Gói ma túy có 01 đường chéo bán với giá 100.000 đồng; Gói ma túy có 02 đường kẻ ngang bán giá 150.000 đồng; Gói ma túy có 01 đường kẻ ngang ở trên đầu bán giá 200.000 đồng. Sau khi phân chia ma túy thành các gói nhỏ, M. bỏ tất cả vào 01 gói nylon lớn để dưới bọc rác trước cửa nhà số 170/28L/8 Đường Đ, Phường S, Quận 4 để bán cho người nghiện. Cùng trong thời gian đầu tháng 6 năm 2020, Phạm Thị Ngọc T. là cháu của M. về ở cùng với M. tại nhà số: 170/28L/8 Đường Đ, Phường S, Quận 4, hàng ngày T. bán đồ ăn trước cửa nhà. T. biết việc M. bán ma túy tại nhà. Do bán quán ăn không thuận lợi nên T. kêu M. cho T. tham gia bán ma túy và được M. đồng ý. Hàng ngày khi có người đến mua ma túy thì M. trực tiếp bán, nếu M. không có nhà hay bận việc khác thì T. là người bán, sau đó đưa tiền lại cho M.. Mỗi ngày M. trả công cho T. từ 100.000 đồng đến 200.000 đồng tùy vào việc bán được ma túy nhiều hay ít. Tổng số tiền M. đã trả công cho T. khoảng 800.000 đồng; Số tiền lời từ việc bán ma túy, M. trích ra một ít tiền tiếp tục mua ma túy để bán, số tiền còn lại M. tiêu xài cá nhân hết nên không xác định được cụ thể, chỉ xác định được khoảng 1.500.000 đồng là số tiền M. hưởng lợi từ việc bán ma túy. Ngày 27/6/2020, M. đưa cho T. 01 gói ma túy và hướng dẫn cho T. phân chia ma túy và vẽ ký hiệu để phân biệt giá bán. Sau khi T. phân chia ma túy thành 28 gói, còn dư lại một ít ma túy nên T. đã tự ý sử dụng. Sau đó, T. bỏ hết số ma túy vào trong 01 gói nylon và cất giấu dưới chỗ để rác trước nhà số 170/28L/8 Đường Đ, Phường S, Quận 4. Khoảng 19 giờ 30 phút ngày 30/6/2020, Nguyễn Thành T. là người nghiện ma túy đến gần nhà của M. thì gặp M. đang ngồi ở ngoài đường, nên hỏi mua 200.000 đồng ma túy đá. M. đồng ý bán nên T. đưa cho M. 200.000 đồng, M. đi đến trước cửa nhà 170/28L/8 Đường Đ, Phường S, Quận 4, lấy 01 gói ma túy từ trong gói nylon để dưới bọc rác quay lại đưa cho T., sau đó M. vô nhà nằm nghỉ. Trong lúc này, có 02 người nghiện ma túy (không rõ lai lịch) đến mua ma túy, T. đã trực tiếp lấy 02 gói ma túy từ

gói nylon để dưới bọc rác trước nhà bán cho người nghiện 01 gói giá 50.000đồng và 01 gói giá 100.000 đồng. Sau khi bán được 02 gói ma túy, T. đã đưa cho M. số tiền 150.000 đồng. Đến khoảng 22 giờ 30 phút cùng ngày, do trời mưa nên T. đã lấy gói nylon chứa ma túy cất giấu trên gác nhà vệ sinh. Đến khoảng 23 giờ cùng ngày, Công an Quận 4 khám xét thu giữ được gói nylon có chứa 25 gói ma túy tụy do T. cất giấu như đã nêu trên

Tại bản Kết luận giám định số 1135/KLGD – H ngày 09/7/2020 của Phòng kỹ thuật hình sự – Công an TP. Hồ Chí Minh kết luận:

- Gói 1: Tinh thể không màu trong 01(một) gói nylon được niêm phong bên ngoài có chữ ký ghi tên Nguyễn Thành T. và hình dấu Công an Phường S, Quận 4, là ma túy ở thể rắn, trọng lượng 0,0276g (không thấy không hai bảy sáu) gam, loại Methamphetamine.

- Gói 2: Tinh thể không màu trong 25 gói nylon (để trong 01 gói nylon) được niêm phong bên ngoài có chữ ký ghi tên Phạm Thị Ngọc T., Lê Ngọc M. và hình dấu Công an Phường S, Quận 4, là ma túy ở thể rắn, trọng lượng 3,2228g (ba phẩy hai hai tám) gam, loại Methamphetamine.

Tại Cáo trạng số 02/CT - VKS ngày 08/12/2020 Viện kiểm sát nhân dân Quận 4 truy tố các bị cáo Lê Ngọc M. và Phạm Thị Ngọc T. phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 251 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa: Các bị cáo Lê Ngọc M. và Phạm Thị Ngọc T. có lời khai thừa nhận đã thực hiện hành vi phạm tội phù hợp với lời khai tại Cơ quan điều tra, Kết luận điều tra và Cáo trạng đã truy tố. Bị cáo M. khai nhận tính đến ngày bị bắt, bị cáo thu lợi từ việc bán ma túy số tiền 1.500.000 (một triệu năm trăm nghìn) đồng. Bị cáo T. khai nhận tính đến ngày bị bắt, bị cáo được bị cáo M. trả công số tiền 800.000 (tám trăm nghìn) đồng để phụ bán ma túy cho bị cáo M..

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 4 trình bày lời luận tội: Giữ nguyên quyết định truy tố các bị cáo Lê Ngọc M. và Phạm Thị Ngọc T. về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 251 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017. Sau khi phân tích hành vi phạm tội, đánh giá các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm b khoản 2, khoản 5 Điều 251, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 17 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 xử phạt bị cáo Lê Ngọc M. từ 09 (chín) đến 10 (mười) năm tù; xử phạt bị cáo Phạm Thị Ngọc T. từ 08 (tám) đến 09 (chín) năm tù. Đề nghị phạt tiền bổ sung mỗi bị cáo là 10.000.000 (mười triệu) đồng. Đề nghị tịch thu tiêu hủy số ma túy còn lại sau giám định.

Bị cáo nói lời sau cùng: Các bị cáo rất hối hận về hành vi phạm tội của mình đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các T. liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của của cơ quan điều tra Công an Quận 4, điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân Quận 4, kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Tại các

biên bản tự khai, biên bản lấy lời khai các bị cáo M. và T. đều trình bày lời khai hoàn toàn tự nguyện. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Tại phiên tòa ngày 12/01/2021, Hội đồng xét xử đã ban hành Quyết định số: 01/2021/HSST – QĐ V/v trả hồ sơ để điều tra bổ sung vì nhận thấy có thêm dấu hiệu của tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”. Ngày 19/01/2021, Viện kiểm sát nhân dân Quận 4 có Công văn số: 65/CV – VKS hoàn lại hồ sơ vụ án vì không có dấu hiệu của tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” và giữ nguyên quan điểm như cáo trạng đã truy tố.

[2] Tại Cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa, các bị cáo thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như bản cáo trạng đã nêu. Qua lời khai của các bị cáo, đối chiếu với các T. liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án như kết luận giám định có đủ cơ sở để kết luận: Từ đầu tháng 6 năm 2020, M. mua ma túy về phân chia nhỏ, bán cho người nghiện, sau đó T. cùng tham gia bán ma túy với M.. Khoảng 19 giờ 30 phút ngày 30/6/2020, tại nhà số 170/28L/8 Đường Đ, Phường S, Quận 4, bị cáo Lê Ngọc M. có hành vi bán cho Nguyễn Thành T. 01 gói ma túy, trọng lượng 0,0276g (không phải không hai bảy sáu) gam, loại Methamphetamine. Sau đó, bị cáo Phạm Thị Ngọc T. bán cho 02 người nghiện (không rõ lai lịch) 02 gói ma túy được số tiền là 150.000 đồng. Đến khoảng 23 giờ cùng ngày, Công an Quận 4 khám xét nơi ở của bị cáo Lê Ngọc M. và bị cáo Phạm Thị Ngọc T. thu giữ được 01 gói nylon chứa 25 gói ma túy, trọng lượng 3,2228g (ba phẩy hai hai hai tám) gam, loại Methamphetamine của M. và T. cất giấu trên gác nhà vệ sinh để nhằm bán cho người nghiện, hưởng lợi. Như vậy, hành vi của các bị cáo Lê Ngọc M. và Phạm Thị Ngọc T. đã phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy”, tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 2 Điều 251 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017. Do đó, quan điểm truy tố của Viện kiểm sát nhân dân Quận 4 đối với các bị cáo Lê Ngọc M. và Phạm Thị Ngọc T. là phù hợp với quy định của pháp luật.

Đối với Nguyễn Thành T. có hành vi “Tàng trữ trái phép chất ma túy” để sử dụng. Tuy nhiên, do định lượng chất ma túy mà T. cất giữ chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự nên không có cơ sở để truy cứu trách nhiệm hình sự với Nguyễn Thành T. về hành vi “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

[3] Hành vi của các bị cáo là nghiêm trọng, gây nguy hiểm cho xã hội, xâm hại đến chính sách độc quyền quản lý Nhà nước về chất ma túy, xâm phạm đến trật tự an toàn xã hội. Đây là nguyên nhân làm phát sinh các loại tội phạm và tệ nạn khác, ảnh hưởng xấu đến nhiều mặt của đời sống xã hội, các bị cáo biết rõ hành vi của mình bị pháp luật nghiêm cấm, nhưng vì tư lợi cá nhân muốn có tiền tiêu xài cho bản thân nên các bị cáo đã cố ý thực hiện. Trong vụ án này có đồng phạm, vai trò của các bị cáo khác nhau, bị cáo M. với vai trò là chủ mưu, trực tiếp phân chia ma túy và bán lại cho các con nghiện, bị cáo T. với vai trò đồng phạm giúp sức và trực tiếp thực hiện hành vi phạm tội. Bị cáo T. được bị cáo M. trả công phụ bán ma túy mỗi ngày số tiền là 100.000 (một trăm nghìn) đồng. Tính đến ngày bị bắt, bị cáo T. thu lợi bất chính được số tiền 800.000 (tám trăm nghìn) đồng và bị cáo M. thu lợi bất chính được số tiền 1.500.000 (một triệu năm trăm nghìn) đồng, đây là tiền lời từ việc bị cáo M. bán ma túy có được.

Xét, về nhân thân của bị cáo: Bị cáo Lê Ngọc M. và bị cáo Phạm Thị Ngọc T. chưa có tiền án, tiền sự. Tuy nhiên, căn cứ vào tính chất, mức độ và hành vi phạm tội cũng như vai trò của từng bị cáo, Hội đồng xét xử xét thấy cần có mức hình phạt thật

nghiêm khắc tương xứng với từng hành vi phạm tội của bị cáo mới có tác dụng giáo dục, răn đe đối với từng bị cáo và phòng ngừa chung cho xã hội.

Tuy nhiên, tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa các bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên khi lượng hình có xem xét giảm nhẹ cho các bị cáo một phần hình phạt.

[4] Ngoài ra, còn áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với mỗi bị cáo số tiền là 20.000.000 (hai mươi triệu) đồng, để thu nộp ngân sách nhà nước theo quy định tại khoản 5 Điều 251 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

[5] Xử lý vật chứng:

- 01 (một) gói niêm phong ghi vụ số 1135 (1) là chất ma túy thu giữ của Nguyễn Thành T. còn lại sau giám định. Xét, ma túy là chất độc hại, không sử dụng được và cấm lưu hành nên tịch thu, tiêu hủy.

- 01 (một) gói niêm phong ghi vụ số 1135 (2) là chất ma túy thu giữ của Lê Ngọc M. và Phạm Thị Ngọc T. còn lại sau giám định. Xét, ma túy là chất độc hại, không sử dụng được và cấm lưu hành nên tịch thu, tiêu hủy.

[5] Về án phí HSST: Mỗi bị cáo M., T. phải nộp số tiền án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 (hai trăm nghìn) đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 251, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 17 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017:

Xử phạt: Lê Ngọc M. 10 (mười) năm tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”. Thời hạn tù tính từ ngày 03 tháng 7 năm 2020.

Tiếp tục giam bị cáo M. để bảo đảm thi hành án, thời hạn tạm giam là 45 (bốn mươi lăm) ngày kể từ ngày tuyên án.

- Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 251, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 17 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017:

Xử phạt: Phạm Thị Ngọc T. 09 (chín) năm tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”. Thời hạn tù tính từ ngày 03 tháng 7 năm 2020.

Tiếp tục giam bị cáo M. để bảo đảm thi hành án, thời hạn tạm giam là 45 (bốn mươi lăm) ngày kể từ ngày tuyên án.

- Căn cứ khoản 5 Điều 251 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017:

+ Phạt tiền bị cáo Lê Ngọc M. số tiền là 20.000.000 (hai mươi triệu) đồng để thu nộp vào ngân sách nhà nước.

+ Phạt tiền bị cáo Phạm Thị Ngọc T. số tiền là 20.000.000 (hai mươi triệu) đồng để thu nộp vào ngân sách nhà nước.

Kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật, hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu thêm lãi suất theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

- Căn cứ khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015 và Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017:

+ Tịch thu tiêu hủy 01 (một) gói niêm phong ghi số vụ 1135 (1) và 01 (một) gói niêm phong ghi số vụ 1135 (2), là ma túy của còn lại sau giám định.

- (Theo biên bản giao, nhận vật chứng ngày 09/12/2020 giữa Công an Quận 4 và Chi cục Thi hành án dân sự Quận 4).

+ Buộc bị cáo Lê Ngọc M. nộp 1.500.000 (một triệu năm trăm nghìn) đồng khoản thu lợi bất chính để tịch thu sung vào ngân sách nhà nước.

+ Buộc bị cáo Phạm Thị Ngọc T. nộp 800.000 (tám trăm nghìn) đồng khoản thu lợi bất chính để tịch thu sung vào ngân sách nhà nước.

- Căn cứ Điều 135, Điều 136 Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015; Luật phí và lệ phí Tòa án năm 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu án phí và lệ phí Tòa án:

+ Bị cáo Lê Ngọc M. phải chịu án phí hình sự sơ thẩm 200.000 (hai trăm nghìn) đồng.

+ Bị cáo Phạm Thị Ngọc T. phải chịu án phí hình sự sơ thẩm 200.000 (hai trăm nghìn) đồng.

- Về quyền kháng cáo:

Các bị cáo Lê Ngọc M., Phạm Thị Ngọc T. có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm. Thời hạn kháng cáo là 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các bị cáo (2)
- CA TP.HCM; (1)
- TAND TP.HCM; (1)
- Sở Tư pháp TP.HCM; (2)
- VKSND Quận 4; (2)
- Công An Quận 4; (1)
- Trại tạm giam PC-81B (1)
- Chi cục THADS Quận 4; (1)
- Chi cục THAHS Quận 4; (3)
- Lưu VT, hồ sơ. (2)

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Phương Thúy

